1. **Dựa trên các trường trong database bảng temp đã cung cấp:**

MachineName NVARCHAR(50): 50 \* 2 = 100 bytes

MachineModel NVARCHAR(50): 50 \* 2 = 100 bytes

MachineCode NVARCHAR(50): 50 \* 2 = 100 bytes

FixedAssetCode NVARCHAR(50): 50 \* 2 = 100 bytes

VersionNumber NVARCHAR(50): 50 \* 2 = 100 bytes

FaultCode NVARCHAR(50): 50 \* 2 = 100 bytes

NumberIdle INT: 4 bytes

TotalRunningTime INT: 4 bytes

TotalPowerOnTime INT: 4 bytes

QuantityProduct INT: 4 bytes

RecordTime DATETIME: 8 bytes

Tổng kích thước của một hàng là: 100+100+100+100+100+100+4+4+4+4+8=624 bytes

1. **Xác định số lượng hàng ghi trong một năm một máy bảng temp**

Dữ liệu được ghi mỗi 5 phút, do đó mỗi giờ có: 60 /5 = 12 hàng

Số hàng ghi trong một ngày: 12× 24=288 hàng

Số hàng ghi trong một năm: 288×365=105,120 hàng

1. **Tính dung lượng lưu trữ trong một năm một máy bảng temp**

Dung lượng lưu trữ cần thiết trong một năm: 105,120×624=65,596,800 bytes ≈ 62.5 MB

1. **Dựa trên các cột bảng chính đã cung cấp:**

RecordDate DATE PRIMARY KEY: 3 bytes

MachineName NVARCHAR(50): 50 \* 2 = 100 bytes

MachineModel NVARCHAR(50): 50 \* 2 = 100 bytes

MachineCode NVARCHAR(50): 50 \* 2 = 100 bytes

FixedAssetCode NVARCHAR(50): 50 \* 2 = 100 bytes

VersionNumber NVARCHAR(50): 50 \* 2 = 100 bytes

FaultCode NVARCHAR(50): 50 \* 2 = 100 bytes

NumberIdle INT: 4 bytes

TotalRunningTime INT: 4 bytes

TotalPowerOnTime INT: 4 bytes

QuantityProduct INT: 4 bytes

Tổng kích thước của một hàng là: 3+100+100+100+100+100+100+4+4+4+4=619 bytes

1. **Xác định số lượng hàng ghi trong một năm bảng chính một máy**

Dữ liệu được ghi mỗi ngày, do đó mỗi năm có: 365 hàng

1. **Tính dung lượng lưu trữ trong một năm bảng chính một máy**

Dung lượng lưu trữ cần thiết trong một năm: 365×619=225,935 bytes

**Kết luận**

Dung lượng lưu trữ cần thiết cho 1 năm cho một máy là khoảng 63MB. Dự phòng cho tăng trưởng cộng 30%, dự phòng cho hao hụt 20%.